

TRÊN ĐƯỜNG EMMAU

Một thoáng nhìn về việc đồng hành thiêng liêng

Lm. Giuse Phạm Quốc Văn, OP

Phần III

NHỮNG PHẨM TÍNH VÀ BỔN PHẬN TRONG VIỆC ĐỒNG HÀNH THIÊNG LIÊNG

Chương I:

VỀ PHÍA NGƯỜI ĐỒNG HÀNH

I. Những phẩm tính

1. Những phẩm tính chuyên môn

1.1. Có kiến thức

1.2. Sự khôn ngoan

1.3. Kinh nghiệm

2. Những phẩm tính luân lý

2.1. Những đức tính nhân bản

2.2. Các nhân đức

II. Những bổn phận

1. Hiểu biết về người mình đang đồng hành

2. Cho những lời chỉ dẫn

3. Khuyến khích

4. Giám sát đời sống tâm linh

5. Sửa chữa những khuyết điểm

6. Giữ bí mật

Chúng ta đã lược qua khái niệm căn bản thế nào là đồng hành thiêng liêng, các mối tương quan cũng như những khó khăn trong việc đồng hành thiêng liêng là gì, bây giờ chúng ta tìm hiểu về những phẩm tính và bổn phận trong việc đồng hành

thiên liêng này. Như đã trình bày, việc đồng hành thiên liêng như là một ơn gọi hay sứ vụ đặc biệt, không ai được tự nhận cho mình công việc đó nếu không nhận được đặc sủng của Thánh Thần. Việc đồng hành không đơn thuần là một cuộc tư vấn với sự trợ giúp của các phương pháp hay kỹ thuật, mà là một cuộc gặp gỡ sâu xa trong đức tin; chính vì vậy, đòi hỏi vị đồng hành cũng như là người thụ hưởng phải có những phẩm tính và bốn phận cụ thể hầu cuộc đồng hành mới có thể đạt đến kết quả. Trước tiên ta tìm hiểu về phía người đồng hành.

Chương I: VỀ PHÍA NGƯỜI ĐỒNG HÀNH

Người đồng hành, có thể nói là khí cụ hữu hiệu Thiên Chúa dùng để mặc khải thánh ý Người cho con cái. Dĩ nhiên Thiên Chúa sẽ ban ơn cách riêng cho những ai cộng tác với Người trong công cuộc cứu độ, thế nhưng sự cộng tác của con người cũng là một yếu tố không kém phần quan trọng. Vị đồng hành phải tự đào luyện những phẩm tính, và chu toàn một số nhiệm vụ căn bản để có thể thi hành sứ mạng của mình. Trước hết, chúng ta bàn về những phẩm tính của vị đồng hành thiên liêng.

I. Những phẩm tính

Về phẩm tính, chúng ta tạm chia ra làm hai loại: những phẩm tính chuyên môn và những phẩm tính luân lý.

1. Những phẩm tính chuyên môn

Nhiều tác giả tu đức thường đề cao tiêu chuẩn để chọn lựa một vị đồng hành, theo quan điểm của thánh nữ Têrêsa Avila và thánh Gioan Thánh Giá: vị đồng hành thiên liêng tốt phải có kiến thức, khôn ngoan và kinh nghiệm; đặc biệt thánh Gioan Thánh Giá nhấn mạnh đến kinh nghiệm của vị đồng hành. [1]

1.1. Có kiến thức

Không ai đòi hỏi vị đồng hành phải là học giả uyên thâm, hay phải là nhà thần học; nhưng cũng không thể chấp nhận những vị đồng hành không có nền tảng vững chắc về thần học, Thánh kinh, hay những kiến thức liên quan khác, khiến không thể nhận thức được những sai lầm trong đời sống đức tin, luân lý, cách thực hành nhân đức... của những người thụ hưởng. Do vậy, vị đồng hành phải được trang bị kiến thức căn bản về thần học tín lý, luân lý, tâm linh và cả tâm lý nữa. [2]

Nhờ hiểu biết về đức tin của Giáo hội cách tường tận, vị đồng hành có thể giúp người khác sống đức tin trong tinh thần tự do con cái Chúa chứ không phải tinh thần sợ hãi, nệ luật. Rất nhiều người chưa thoát khỏi một cung cách sống đạo hình thức, ấu trĩ. Mặt khác, mọi thời, Giáo hội đều chịu ảnh hưởng bởi nhiều trào lưu triết học làm lung lạc đức tin; bao nhiêu người không được giáo dục kỹ càng về đời sống đức tin, đã gặp chao đảo khi tiếp xúc với những luồng tư tưởng này. Nếu người thụ hưởng rơi vào hoàn cảnh trên, thì trước tiên vị đồng hành phải giúp họ tìm lại hình

ảnh một Thiên Chúa đích thực theo niềm tin Công giáo. Một khi mình có hình ảnh sai lạc về Thiên Chúa, thì hành trình đức tin cũng khó tránh khỏi những lầm đường lạc lối.

Trong bầu khí đa phức tôn giáo và văn hoá như hiện nay, những hiểu biết về thần học cách vững chắc sẽ giúp cho vị đồng hành có thể đối thoại với người có tôn giáo khác mà không sợ đánh mất chính mình, đồng thời có thể nhận thức được những lời phát biểu tín lý đã chịu ảnh hưởng của nền văn hoá, tư tưởng triết lý hay tôn giáo nào.

Có thể nói, ngoài những vấn nạn về đời sống đức tin trong việc đồng hành, vị đồng hành gặp phải đa số những vấn đề về đời sống luân lý, do vậy những kiến thức về thần học luân lý là điều cần thiết giúp cho vị đồng hành khả dĩ hướng dẫn người khác có những thực hành luân lý đúng đắn, phù hợp với đời sống đức tin. Đặc biệt trong trào lưu thế tục và hưởng thụ ngày nay, vấn đề luân lý cần phải được quan tâm hơn nữa.

Vị đồng hành cũng cần phải có những hiểu biết căn bản về thần học tâm linh. Tác giả W. A. Barry và W. J. Connolly cho chúng ta những nhận xét thật cụ thể và chí lý:

“Nhà linh hướng cần có hiểu biết căn bản về lịch sử linh hạnh, đủ để biết rằng Thiên Chúa đã xử sự với con người nhiều cách khác nhau, cũng như đủ để hiểu những tác động hỗ tương giữa nhân cách con người, văn hoá và sáng kiến của Thiên Chúa trong việc phát triển đời sống thiêng liêng của cá nhân và trong quá trình phát triển các trường phái linh hạnh. Hiểu biết những kinh nghiệm thiêng liêng khác nhau của Kitô giáo và biết cởi mở đón tiếp những kinh nghiệm ngoài Kitô giáo, sẽ giúp các nhà linh hướng vượt qua được những xác tín quá cực đoan của mình và biết thần phục những kinh nghiệm đa dạng của nhân loại về Thiên Chúa”. [3]

Cha Jordan Aumann, OP. cho chúng ta một thí dụ cụ thể về vấn đề này:

“Vị đồng hành nên biết giáo thuyết thần học về sự hoàn thiện Kitô giáo, nhất là lưu tâm đến những vấn đề như: yếu tính của hoàn thiện, bốn phận phải cố gắng nên hoàn thiện, những trở ngại trong quá trình hoàn thiện, những hình thức thanh tẩy, và những phương thế giúp trưởng thành tích cực về đạo đức. Ngài nên có kiến thức đầy đủ về các cấp độ cầu nguyện, những thử thách mà Thiên Chúa thường gợi đến cho các linh hồn khi họ bước từ cấp độ thấp lên mức độ cao hơn của việc cầu nguyện, những ảo tưởng và những cuộc tấn công của ma quỷ mà linh hồn có thể phải đối phó”. [4]

Dĩ nhiên Thiên Chúa ngỏ lời với mỗi người mỗi khác, nhưng những gì rút ra được từ lịch sử linh hạnh cũng là những kinh nghiệm quý báu để vị đồng hành có thể phân định thánh ý Thiên Chúa nơi người thụ hưởng của mình.

Ngoài kiến thức thần học, vị đồng hành cũng cần trang bị kiến thức tâm lý nữa. Nếu thiếu kiến thức này, vị đồng hành khó có thể tiếp cận với người khác, và

hơn nữa không phân biệt được đâu chỉ là những biểu hiện tâm lý thuần túy, đâu là những biểu hiện tâm linh. Như ta đã tìm hiểu ở trên, trong việc đồng hành, có rất nhiều những vấn nạn tâm lý xảy đến cả cho người đồng hành lẫn người thụ hưởng, ví dụ như: chuyển dịch, phóng chiếu, rối loạn nhân cách... Do đó, ngoài việc thủ đắc kiến thức thần học, trở nên một con người tâm linh, vị đồng hành cũng phải có kiến thức tối thiểu về tâm lý, và tâm bệnh học nữa.

1.2. Sự khôn ngoan

Theo cha Jordan Aumann, đây là một trong những phẩm tính quan trọng nhất đối với vị đồng hành thiêng liêng. Sự khôn ngoan bao gồm ba yếu tố cơ bản: khôn ngoan trong phán đoán, rõ ràng minh bạch trong lời khuyên, và kiên quyết trong việc đòi hỏi sự vâng phục. [5]

Phán đoán hay phân định là việc làm hệ trọng trong việc đồng hành thiêng liêng; cũng tựa như việc bác sỹ chẩn đoán bệnh, chỉ khi nào chẩn đoán đúng thì mới có cách điều trị hiệu quả. Nhờ phán đoán khôn ngoan, vị đồng hành sẽ giúp cho người thụ hưởng nhận ra con người thật của họ, với xu hướng tình cảm, khó khăn đang phải đối diện, cảm dỗ cần phải lướt thắng, vùng vô thức cần được đưa ra ánh sáng... Người thụ hưởng không chờ đợi nơi vị đồng hành những nhận xét chung chung, hay cung cấp mớ nguyên tắc về đức tin, về luân lý...; mà họ chờ đợi một ánh sáng soi chiếu vào chính hoàn cảnh cụ thể của họ. Mỗi người mỗi hoàn cảnh, chịu sự chi phối của những điều kiện khác nhau, có những uẩn khúc khác nhau... Trước những vấn đề phức tạp đó, ánh sáng soi chiếu chỉ khả dĩ khi người thụ hưởng gặp được vị đồng hành khôn ngoan đích thực với sự hiểu biết về trạng thái của đời sống khổ chế, đời sống thần bí, và những kiến thức về tâm lý con người.

Nhờ khôn ngoan, vị đồng hành có thể đưa ra những hướng dẫn rõ ràng minh bạch, không mâu thuẫn, không xác tín một đảng khuyên lơn một ngã...; dĩ nhiên sự hướng dẫn này không lấn át quyền tự do của người thụ hưởng, mà chỉ là những soi sáng cần thiết như ánh đèn giúp người thụ hưởng bước đi trong đêm tối của tâm hồn mình. Nhờ khôn ngoan, vị đồng hành giúp người thụ hưởng khám phá ra nẻo đường tự do trong tương quan đích thực với Thiên Chúa. Nhờ khôn ngoan, người đồng hành bước đi bước trước tới biên cương của sự sai lầm, nhưng không chôn chân mình ở đó; để rồi người đồng hành biết được những hố thẳm phía trước và đưa ra những dự báo cần thiết cho người thụ hưởng của mình. Có thể nói, nhờ khôn ngoan, vị đồng hành trở thành “vị mục tử đi trước đoàn chiên, ngài đi trước và chiên theo sau. Người mục tử biết từng con chiên của mình”, không thiên vị, không nhu nhược, biết lúc nào cần nâng đỡ vỗ về, cần cảm thông an ủi; lúc nào cần phải nghiêm khắc, cứng rắn.

Nếu như vị đồng hành có phải bắt buộc người thụ hưởng vâng phục điều gì, thì cũng không đi ra ngoài tinh thần của vị mục tử. [6] Tuy nhiên, phải rất thận trọng khi đòi buộc người khác làm điều gì, một thái độ quá nghiêm khắc có thể làm cho người ta sợ hãi, và như vậy mối tương giao sẽ bị gián đoạn, đôi khi còn làm cho người ta bỏ cuộc nữa. Một nguyên tắc căn bản vị đồng hành luôn nhớ là không bao giờ đòi hỏi ai bất cứ điều gì không phù hợp hoặc quá khả năng của họ. Những đòi hỏi đối với người

mới khởi đầu trong đời sống tâm linh thì khác đối với người đã tiến xa trên đường nhân đức, đòi hỏi đối với người giáo dân thì khác đối với tu sĩ, linh mục.

Để có được sự khôn ngoan, ngoài việc dày công học hành nghiên cứu, vị đồng hành phải biết tích lũy kinh nghiệm nữa. Trong việc đồng hành, kinh nghiệm đóng một vai trò quan trọng.

1.3. Kinh nghiệm

Thực tế cho thấy, từ kiến thức thu tập được ở trường ốc tới việc thực hành cụ thể là một khoảng cách rất lớn. Bởi thế, không lạ gì trong công tác tuyển lựa nhân sự vào các công ty, xí nghiệp, thì ngoài những đòi hỏi về bằng cấp..., còn một yếu tố không thể thiếu đó là kinh nghiệm làm việc. Cũng vậy, chính thánh tiến sĩ Têrêsa Avila đưa ra lập trường này là: nếu phải chọn lựa giữa một vị đồng hành có kinh nghiệm trong đời sống tâm linh, trong việc hướng dẫn người khác, với vị đồng hành không có kinh nghiệm nhưng thông thái, thì nên chọn vị có kinh nghiệm. Cha Jordan Aumann, OP. cũng cho rằng kinh nghiệm là một trong những phẩm tính quý giá nhất của vị đồng hành. Ngay cả khi vị đồng hành kém hoàn chỉnh về kiến thức, thậm chí chưa khôn ngoan đủ, thì kinh nghiệm có thể bù đắp cho những thiếu sót này. [7] Kinh nghiệm của vị đồng hành có thể bắt nguồn từ chính đời sống tâm linh của bản thân, cũng có thể do quan sát và sự chỉ dẫn của người khác.

Một khi vị đồng hành có kinh nghiệm về cầu nguyện, chiêm niệm, về các cấp bậc trong đời sống thiêng liêng, về việc lắng nghe và gặp gỡ Chúa, về những khoảnh khắc dường như Chúa vắng mặt... thì những gì họ chia sẻ cho người thụ hưởng không phải là viễn vông, lý thuyết, nhưng là những cảm nhận sống động. Có thể nói khi vị đồng hành là một con người cầu nguyện, thì họ có thể truyền hồn cầu nguyện sang cho người thụ hưởng của mình.

Và rồi chính nhờ kinh nghiệm chiến đấu thiêng liêng, khao khát và chán nản, thành công và thất bại, ân sủng và tội lụy... vị đồng hành trở nên người biết yêu và được yêu, biết cách để trở nên bạn người khác, trở nên lạc quan nhưng không ngây thơ, cũng bị đau khổ nhưng không để đau khổ nghiền nát, có vấp ngã nhưng biết đứng dậy... Tóm lại, họ cảm nhận được tình yêu cứu độ, cảm nhận về một sức mạnh lớn hơn tội lỗi và sự chết. Chính vì vậy, khi hướng dẫn người khác, họ không phải quá ngỡ ngàng trước những vấn đề của con người, không khiếp hãi cuộc sống vốn còn pha tạp giữa ánh sáng và bóng tối, giữa ân sủng và tội lỗi.

Tuy nhiên, không phải vị đồng hành nào cũng có được kinh nghiệm sống động như thế, và không nhất thiết ai cũng phải trải qua kinh nghiệm của chính bản thân mình như vậy; hơn nữa, nếu chỉ dựa vào kinh nghiệm của bản thân, thì nhiều khi việc hướng dẫn có thể trở nên chủ quan, phiến diện. Do đó, vị đồng hành còn phải thu tích kinh nghiệm nhờ việc lắng nghe người khác, tiếp xúc với hoàn cảnh sống cụ thể của họ. Thiên Chúa hướng dẫn mỗi người qua mỗi nẻo đường khác nhau, và đây chính là nguồn mạch phong phú các kinh nghiệm mà vị đồng hành có thể có được để hướng dẫn người khác. Như vậy, vị đồng hành không thể ép buộc

mọi người đi trên cùng một con đường, cho dù đó là con đường nhiều vị thánh đã đi, hay chính vị đồng hành đã đi và gặp được Chúa.

Sau khi trình bày về những phẩm tính chuyên môn, chúng ta cùng tìm hiểu khái quát về những phẩm tính luân lý.

2. Những phẩm tính luân lý

Việc đồng hành thiêng liêng là một sứ vụ mang chiều kích giáo dục, có thể trộm ví như vai trò của người thầy đối với môn sinh trên đường tu đức; do vậy đòi hỏi vị đồng hành phải có những phẩm tính cả về chuyên môn lẫn đời sống là điều dễ hiểu. Theo thánh Tôma, siêu nhiên không phá đổ tự nhiên, nhưng được đặt nền trên tự nhiên, hay kiện toàn tự nhiên; nên chúng ta bàn về những đức tính nhân bản trước khi bàn về đức tính của con người siêu nhiên.

2.1. Những đức tính nhân bản

Chẳng cứ gì phải là vị đồng hành, đã sinh ra trên đời, mọi người đều phải học để trở nên “người hơn”; người Việt Nam ta có cách diễn tả rất hay: “làm người”. Con người phải làm người mỗi ngày. Bởi thế, hơn ai hết, vị đồng hành mang trọng trách hướng dẫn người khác, thì càng đòi buộc khổ luyện để trở nên người hơn. Đức Khổng Tử dạy: “Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ” là vậy. Chúng ta không liệt kê ra đây tất cả những đức tính nhân bản, nhưng chỉ đề cập đến một số đức tính thực sự cần thiết đối với vị đồng hành thiêng liêng.

Trước tiên đó là lòng nhiệt thành. Bất cứ làm việc gì cũng cần đến lòng nhiệt thành. Khi người thụ hưởng gặp được vị đồng hành nhiệt thành, nhất là nhiệt thành với việc thánh hoá các linh hồn, họ dễ dàng thiết lập được mối tương giao, vượt qua những e ngại bước đầu khi phải bày tỏ tâm hồn mình cho người khác. Rất nhiều khi chỉ vì không vượt qua được sự e ngại, mà nhiều người không thể nào “bàn hỏi chuyện linh hồn”, việc đồng hành cuối cùng chỉ dừng lại ở cuộc gặp gỡ với những câu chuyện tẻ nhạt đời thường chẳng liên quan gì đến đời sống đức tin, kinh nghiệm cầu nguyện, hay kinh nghiệm chiến đấu thiêng liêng.

Lòng nhiệt thành của vị đồng hành phải đi đôi với thái độ vô vị lợi; nghĩa là, không nhiệt tình hướng dẫn người thụ hưởng nhằm vào mục đích riêng tư, hoặc không nhằm để tự thoả mãn hay vì niềm an ủi nơi họ, nhưng chỉ với mục đích duy nhất là dẫn họ đến với Thiên Chúa. Thánh Âu Tinh nhấn mạnh điều này rằng: Những người dẫn dắt đàn chiên Đức Kitô như là đàn chiên của riêng họ chứ không phải của Đức Kitô, chứng tỏ rằng họ yêu chính mình chứ không phải yêu Chúa. Bằng tình yêu vô vị lợi, vị đồng hành sẽ vượt qua được nhiều cám dỗ về tính kiêu ngạo và những tình cảm lệch lạc, để có thể tôn trọng đúng mức những người được mình hướng dẫn. [8]

Một khi có được tấm lòng vô vị lợi, vị đồng hành còn phải kiên nhẫn lắng nghe người thụ hưởng. Lắng nghe không phải chỉ là việc làm của đôi tai, mà là việc làm của trái tim nữa. Khi kiên nhẫn lắng nghe với sự cảm thông, với tấm lòng trắc

ân, về mặt tâm lý, người thụ hưởng như tìm được người bạn tâm giao, họ có thể tin tưởng bộc lộ tâm hồn mình. Rất thường khi, người ta “mắc bệnh” thích lên tiếng, hơn là thính lặng lắng nghe người khác.

Một đức tính nhân bản quan trọng khác đó là lòng bao dung. Vị đồng hành phải tỏ ra bao dung với những yếu đuối, sai phạm, hoặc những kinh nghiệm không hay của chính mình hay của người khác. Yêu thương người thụ hưởng cách chân thực là tỏ ra hết lòng muốn liên đới, chung chia đau khổ, muốn cùng họ hàn gắn những đổ vỡ, chứ không phải là để mặc họ ngụp lặn trong những mặc cảm, chán chường, thất vọng. Hơn nữa, hình ảnh đầu tiên người thụ hưởng muốn tìm thấy nơi vị đồng hành, đó là hình ảnh Người Cha Độ Lượng như Tin mừng thánh Luca chương 15 nói tới, chứ không phải hình ảnh người cha nghiêm khắc, oán phạt.

Tâm lòng bao dung đó được thể hiện qua sự tin tưởng của vị đồng hành: tin vào tình thương Thiên Chúa, tin vào sự nỗ lực của con người, tin vào một tương lai tươi sáng hơn. Nhờ vậy, vị đồng hành không e ngại những cảm xúc mạnh, những tình cảm sâu xa, những kinh nghiệm thân hiệp, hay những gì là của con người. [9] Nếu người đồng hành không kiềm chế được cảm xúc mạnh nơi mình, không đón nhận được cơn giận của người thụ hưởng, thì người thụ hưởng khó lòng có thể bộc lộ hết con người thật của họ, nhất là những gì họ đang âm ứ, bức xúc...

Cuối cùng, một đức tính mà các vị đồng hành không thể thiếu, đó là lòng khiêm tốn. Khiêm tốn hay khiêm nhường để dám chấp nhận con người thật của mình với những thiếu sót, biết cậy vào Chúa hơn là sức riêng mình, và biết tìm vinh quang Thiên Chúa hơn là tìm lợi ích bản thân. Thiên Chúa chỉ ban ơn cho người khiêm tốn và chống lại kẻ kiêu ngạo. Sự khôn ngoan chỉ có giá trị thực sự khi biết thực hành với lòng khiêm tốn. Và chỉ có ai khiêm tốn thì mới có thể mở lòng đón nhận được những cái mới, ai kiêu căng thì như kẻ tự đào lỗ chôn mình.

2.2. Các nhân đức [10]

Sau khi bàn về các đức tính nhân bản, chúng ta tìm hiểu về các nhân đức. Ở đây, chúng ta không nhằm tìm hiểu cặn kẽ: nhân đức là gì? Lịch sử thần học quan niệm về nhân đức diễn tiến thế nào? Tiến trình tập luyện các nhân đức ra sao?... , mà chỉ muốn nêu lên các nhân đức như một điều kiện cần thiết để vị đồng hành có thể chu toàn sứ mạng của mình; hơn nữa, chính vị đồng hành cũng phải trau dồi nhân đức trên đường hoàn thiện nữa.

Vị đồng hành không thể hướng dẫn người khác về đời sống đức tin, nếu bản thân không có một đức tin sống động, không có kinh nghiệm sống đức tin cụ thể. Làm sao vị đồng hành có thể nói về niềm hy vọng, một khi bản thân chẳng có chút kinh nghiệm gì về nẻo đường hy vọng; và càng không thể nói về đức mến, khi mà tâm hồn không cảm nhận được Chúa yêu mình, và như vậy cũng chẳng có lòng mến hiểu như là một nỗ lực đáp trả.

Chính vì thế, vị đồng hành phải là người sống cách kiên cường các nhân đức “hướng thần” (còn gọi là ba nhân đức “hướng Chúa”, “quy thần” hay “đối thần”: tin

cậy, mền), [11] sau đó là bốn nhân đức luân lý hay bốn nhân đức trụ nữa : khôn ngoan, công bằng, tiết độ và can đảm. Công đồng Vatican II, trong số 4 của “Sắc lệnh Tông đồ giáo dân”, đã trình bày ích lợi của các nhân đức hướng thân:

“Duy chỉ nhờ dưới ánh sáng đức tin và sự suy niệm Lời Chúa thì mới có thể nhận ra tiếng Chúa mọi nơi mọi lúc..., tìm thấy ý Người trong mọi biến cố, nhìn thấy Đức Kitô trong hết mọi người, dù thân cận hay xa lạ, nhận định đúng mức ý nghĩa chân chính và giá trị của những thực tại trần thế theo bản chất của chúng và theo tương quan với cứu cánh con người...”

... Giữa gian truân cuộc đời, họ tìm được sức mạnh nơi đức cậy, biết rằng ‘những đau khổ đời này không thể nào sánh được với vinh quang sẽ tỏ lộ nơi chúng ta’ (Rm 8,18). Được thúc đẩy nhờ tình yêu do Chúa ban, họ thực hành điều tốt cho hết mọi người, đặc biệt cho những anh em trong đức tin (Xc Gl 6,10), loại bỏ ‘hết mọi gian tà xảo quyệt, giả dối ghen tương và bươi móc’ (1Pr 2,1), như thế họ lôi kéo người ta về với Đức Kitô... Nuôi dưỡng tình thân hữu với nhau, họ sẵn sàng tương trợ trong bất cứ nhu cầu nào”. [12]

Phân trình bày trên của Công đồng không nhằm dành riêng cho vị đồng hành thiêng liêng; nhưng thiết tưởng, là người tín hữu, dù sống trong ơn gọi, bậc sống và chức vị nào, những điều đó vẫn cần thiết, và đối với người có trách nhiệm hướng dẫn người khác, thì càng cần thiết hơn nữa.

Còn về bốn nhân đức luân lý: khôn ngoan, công bình, can đảm, tiết độ sẽ giúp cho vị đồng hành rất nhiều trong mối tương quan với người thụ hướng, trong việc lắng nghe, phân định, chẳng hạn như:

- Đức khôn ngoan: giúp sáng suốt trong phán đoán; cân nhắc lợi hại trong những hành vi cụ thể; ước lượng được hậu quả mà hành vi có thể gây ra; dự đoán được những bất trắc phía trước... [13]

- Đức công bình: giúp cho biết chân thành, nồng nhiệt, bất thiệp, tế nhị... [14]

- Đức can đảm: giúp biết đối xử khoát đạt, nhẫn nại, quảng đại, kiên trì. [15]

- Và đức tiết độ: giúp hiền lành, khoan dung, đoan trang, khiêm nhường... [16]

Nói tóm lại, vị đồng hành cần phải là một con người nhân đức, đạo hạnh, quy hướng cuộc đời về Đức Kitô và về vinh quang Thiên Chúa, ý thức sâu xa về ơn nghĩa tử, để có thể nhìn thấy Chúa trước hết và trên hết như người Cha yêu thương..., nhờ đó mới có thể đồng hành với người khác trên nẻo đường thiêng liêng được. Càng giàu kinh nghiệm đức tin, niềm hy vọng và đức ái, vị đồng hành càng có cơ may hiểu, đón nhận, yêu thương, và hướng dẫn người thụ hướng của mình đạt đến bến bờ “giác ngộ”.

Bây giờ, chúng ta nói về bốn phận của vị đồng hành:

II. Những bốn phận

Đâu là bốn phận hay nhiệm vụ của vị đồng hành? Có lẽ câu trả lời sẽ rất tương đối tùy thuộc vào mỗi vị đồng hành, mỗi cách giải quyết khác nhau, mỗi hoàn cảnh khác nhau... Nếu làm một tóm kết chung chung ở đây, thì bốn phận của vị đồng hành có thể liệt kê hàng loạt như: phân định, lắng nghe, cảm thông, soi sáng, thiết lập mối tương quan... Tuy nhiên, nếu không khôn ngoan, rất dễ có nguy cơ vị đồng hành biến mình trở thành một nhà tư vấn tâm lý, hay tư vấn mục vụ thuần túy. Đứng trước hàng loạt bốn phận phải thi hành, vậy đâu là nhiệm vụ chính yếu nhất, và làm thế nào để chu toàn được nhiệm vụ này?

Trước hết, nhiệm vụ của vị đồng hành là giúp người thụ hưởng chú ý tới Thiên Chúa đang tự mặc khải mình cho họ; thứ đến là giúp người thụ hưởng ý thức lại những phản ứng của mình và sẵn sàng đáp trả lời mời gọi của Thiên Chúa, hay nói cách khác là đón nhận và thực thi thánh ý Chúa trong cuộc sống của mình. [17]

Nhưng làm sao để giúp người thụ hưởng ý thức Thiên Chúa đang tự mặc khải mình cho họ? Làm sao giúp họ ý thức lại những phản ứng của mình và sẵn sàng đáp trả lời mời gọi của Thiên Chúa? Những việc làm cụ thể sau sẽ giúp cho vị đồng hành chu toàn nhiệm vụ, hay cũng có thể coi đó là nhiệm vụ của vị đồng hành cần phải chu toàn.

1. Hiểu biết về người mình đang đồng hành

Đây là một nhiệm vụ khó khăn và tế nhị: khó khăn vì “con người là một huyền nhiệm”, [18] cho nên đâu dễ gì hiểu biết hết được; [19] tế nhị là vì nếu không khéo, vị đồng hành sẽ tạo cho người thụ hưởng cảm tưởng họ đang bị theo dõi, điều tra... Thế nhưng, nếu không hiểu biết người khác, thì làm sao vị đồng hành có thể hướng dẫn họ. Sự hiểu biết này đòi hỏi ở một mức độ toàn diện, nghĩa là phải hiểu biết ngọn ngành con người mình đang hướng dẫn: về tính khí, cá tính, khuynh hướng tốt và xấu, khuyết điểm, sở thích, khả năng và nghị lực. Hơn nữa, còn phải biết về quá khứ của người đó, ít là những nét sơ quát, đặc biệt là thời thơ ấu, môi trường sống, môi trường giáo dục... Và hiện nay, tình trạng người ấy thế nào, đang khao khát điều gì, có sự tiến triển nào trên đường nhân đức không?... Để đạt được những hiểu biết này, thiết tưởng là vị đồng hành phải thiết lập được mối tương quan tình bạn với người thụ hưởng trước đã; nếu không có mối tương quan này, mọi nỗ lực hiểu biết sẽ dễ biến thành một thứ “cảnh sát điều tra”.

Rất nhiều khi, người thụ hưởng tìm đến với vị đồng hành không phải là do động lực hay mục đích thiêng liêng, mà họ đến với những động cơ ngầm, với những nỗi chán nản bất cần đời, hay với “kinh nghiệm” thường xuyên được gặp Chúa, gặp Đức Mẹ, và Chúa nói với họ thế này, Mẹ nói thế kia... Nếu trước tiên không hiểu biết họ là ai, thì vị đồng hành khó phân định được đâu là mục đích cuộc gặp gỡ của họ, những điều họ trình bày thực hư thế nào... Nhiều khi họ chẳng có kinh nghiệm tâm linh nào, cũng chẳng khao khát Chúa, họ đến với vị đồng hành chỉ là để tìm

người bạn nói chuyện, hoặc vì họ thích vị đồng hành này, muốn tìm một chỗ dựa tinh thần, hoặc vì họ quá đau khổ muốn đến tìm một lời an ủi..., việc hiểu biết vẫn là bước đầu quan trọng để vị đồng hành có thể cho những chỉ dẫn khả dĩ giúp người thụ hướng ý thức Thiên Chúa đang tự mặc khải mình cho họ.

2. Cho những lời chỉ dẫn

Từ sự hiểu biết cận kề về người thụ hướng, vị đồng hành có thể chỉ dẫn cho họ những điều cần thiết; cũng tương tự như một bác sĩ khi đã chẩn đoán đúng căn bệnh, thì có thể cho bệnh nhân những liều lượng thuốc phù hợp. Tuy nhiên, việc cho người khác những lời chỉ dẫn là việc làm quan trọng do vậy phải cẩn trọng hết sức, đừng quá dễ dàng cho người khác một lời khuyên. Nên nhớ nguyên tắc: vị đồng hành chỉ đóng vai trò soi sáng, gợi mở chứ không phải là quyết định thay cho người khác. Richard P. Vaughan, SJ. lưu ý một số điểm cần thiết khi cho người khác những lời chỉ dẫn trong việc tư vấn mục vụ, và cũng có thể hiểu là trong việc đồng hành thiêng liêng:

- Chỉ đưa ra lời khuyên khi biết chắc người kia không thể tự mình quyết định.
- Hãy bảo đảm rằng bạn đã nắm hiểu hoàn toàn vấn đề của đương sự trước khi bạn đưa ra bất cứ lời khuyên nào.
- Phải liệu cách để đưa ra lời khuyên sao cho còn chừa chỗ để đương sự có thể chấp nhận hay từ khước.
- Khi trao lời khuyên cho một người, bạn đừng quên rằng lời khuyên ấy có thể làm cho đương sự lệ thuộc vào bạn và bớt tự tin vào khả năng của chính mình.
- Cũng đừng quên rằng bạn có thể bị phiền trách nếu lời khuyên ấy rốt cục không tác dụng, hay phản tác dụng.
- Và bạn cần nhớ: lời khuyên có thể làm tổn thương người ta, dù bạn khuyên một cách khéo léo mấy đi nữa. [20]

Những lời hướng dẫn của vị đồng hành phải tập trung vào đời sống tâm linh, đời sống Kitô giáo hoàn thiện, đời sống đức tin, chứ không phải là đưa ra những lời khuyên chỉ mang tính tâm lý, hay thuần túy là luân lý, tệ hại hơn là những lời an ủi rẻ tiền làm cho người thụ hướng trở nên nhu nhược và quá lệ thuộc vào vị đồng hành. Hơn nữa, vị đồng hành không bao giờ được phép lấy mình làm tiêu chuẩn để hướng dẫn người khác. Nên tránh quả quyết những vấn đề thần học còn đang trong vòng tranh luận, tránh những gì tẻ nhạt có thể gây cho người khác sự hiểu lầm, chia rẽ, nhất là những tư tưởng liên quan đến các trường phái linh đạo, đến các đặc sủng riêng... Ví dụ vị đồng hành tỏ rõ lập trường phản đối một linh đạo nào đó, chẳng hạn: lên án sự vâng phục triệt để của anh em Dòng Tên, cho là họ chỉ biết “vâng lời tối mật, vâng lời như xác chết”; linh đạo Đa Minh thì “bàng bạc”, khô khan, duy lý; linh đạo Phan Sinh thì quá nặng về cảm ái, duy ý chí..., những kiểu nói như thế

không khỏi xúc phạm đến người khác, nếu mình không phải là kẻ trong cuộc, không thâm nhuần, không thấu đáo tinh thần sống của họ. Đó là chưa kể nhiều vấn đề có phức tạp và tế nhị hơn nữa.

Vị đồng hành cũng phải lưu ý rằng cần hướng dẫn tiệm tiến chứ không được đột giai đoạn. Tùy hoàn cảnh, điều kiện, tuổi tác, phái tính, bậc sống, mức độ tăng trưởng tâm linh của mỗi người mà có thể cho họ những chỉ dẫn phù hợp. Cả lịch sử cứu độ là một bài học tiệm tiến Thiên Chúa dạy dỗ con người. Và khi đồng hành với các môn đệ, Đức Giêsu đã nói: “Thầy còn nhiều điều phải nói với anh em. Nhưng bây giờ anh em không có sức chịu nổi. Khi nào Thần Khí sự thật đến, Người sẽ dẫn anh em tới sự thật toàn vẹn”. [21] Đức Giêsu đã áp dụng phương pháp tiệm tiến để mặc khải thánh ý của Người, để bày tỏ cho con người chương trình cứu độ. Như thế, không thể có một chỉ dẫn luôn đúng cho mọi người và mọi hoàn cảnh, và cũng không thể chỉ dẫn tất cả mọi điều trong cùng một lúc.

3. Khuyến khích

Theo nguyên tắc sư phạm giáo dục, biện pháp kỷ luật hay roi đòn theo kiểu “hay chữ dữ đòn” hoặc “yêu cho roi cho vọt” không phải là cách thức tốt giúp cho người môn sinh tiến bộ, mà cách thức tốt phải là sự quan tâm, động viên, khuyến khích. Có lẽ trong việc đồng hành thiêng liêng cũng vậy, người thụ hưởng không mong đợi nơi vị đồng hành những lời phán xét khắt khe, những thái độ nghiêm nghị, nhưng muốn nhận được sự động viên, khuyến khích để có thể thăng tiến trên đường nhân đức.

Vị đồng hành có nhiệm vụ phải gieo vào lòng người thụ hưởng tinh thần lạc quan, tin tưởng vào tình thương Thiên Chúa hơn là quá tập trung vào chính mình. Nhất là những người đã có kinh nghiệm về sự đổ vỡ trong tâm hồn, kinh nghiệm về sự thất bại, tội lỗi..., thì thái độ tích cực không phải là hồi hận trong đau khổ, gặm nhấm tâm hồn mình, tự ty mặc cảm, buông xuôi thất vọng; mà phải là thái độ tin tưởng, bằng an, cảm nhận được tình thương, sự tha thứ, và dám coi những đổ vỡ đó như cơ hội để khám phá ra sự hiện diện của Thiên Chúa trong cuộc đời mình, ngay trong những gì tệ hại nhất của mình, nhận ra kế hoạch của lòng thương xót, và để cho lòng thương xót đó chữa lành.

Đời sống tâm linh phải khởi đi từ sự chấp nhận chính mình, chấp nhận sự thật, để rồi từ đó thoát ra khỏi bản thân hay quên đi chính bản thân mình, quên đi những gì là tội lỗi, và cả những gì là thánh thiện, để rồi chỉ tập trung vào một mình Thiên Chúa. Chính khi ấy, Thiên Chúa sẽ tỏ lộ kế hoạch của Người. Có được như thế, người thụ hưởng rất cần sự kiên nhẫn lắng nghe và động viên của vị đồng hành. Sự khuyến khích này như là tiếp thêm nhiên liệu cho cỗ máy đã được khởi động, nhờ vậy có thể đạt được hiệu năng như lòng mong ước.

Vị đồng hành không dừng lại ở việc hiểu biết, hướng dẫn, động viên, mà còn phải theo dõi, giám sát tiến trình tâm linh của người thụ hưởng nữa.

4. Giám sát đời sống tâm linh

Xin mượn hình ảnh người mẹ tập đi cho con mình để diễn tả tiến trình tâm linh này. Lúc đầu người mẹ cầm tay đứa bé, dẫn đi từng bước chậm chạp, nhưng rồi có lúc người mẹ phải hoàn toàn buông tay để cho con bước đi tự do. Chính nhờ những bước đi tự do này, có khi bị quy ngã, mà đứa bé có thể bước đi những bước đầu tiên bằng chính đôi chân của mình, và từ đó có thể cứng cáp và trưởng thành. Một điểm rất đáng lưu ý ở đây là cho dù người mẹ hoàn toàn buông tay để cho con mình tự do, nhưng mắt bà không bao giờ rời xa đứa bé, bà luôn dõi theo từng bước chân chập chững của con mình và có những trợ giúp khi cần thiết.

Có thể tạm ví tiến trình tâm linh của một con người cũng thế, người thụ hưởng được hoàn toàn tự do, được khuyến khích để bước đi trên đôi chân của mình mà đến với Chúa, thế nhưng sự giám sát của vị đồng hành luôn là cần thiết. Với những bước chập chững khởi đầu trên đường tâm linh, người thụ hưởng có thể buông xuôi khi thấy hành trình thăm thẳm, hoặc cũng có thể vì quá nhiệt tình mà họ ôm đồm gồng gánh mọi thứ, đến nỗi nặng nề không thể mang vác nổi. Việc quá dễ dàng, sao lãng với các bổn phận thiêng liêng, hoặc quá nhiệt tình trong việc ăn chay, cầu nguyện, hãm mình đến độ kiệt sức... đều có thể là những bước trật đường, cần phải được vị đồng hành điều chỉnh uốn nắn.

Do vậy, vị đồng hành phải luôn đóng vai người mẹ dõi mắt theo từng bước chân “người con thiêng liêng” của mình, để kịp thời điều chỉnh những thái quá, bất cập, hoặc uốn nắn nếu trệch hướng. Nhiều khi sự trệch hướng này rất tinh tế, ẩn núp ngay trong những lần gặp gỡ tâm linh giữa hai người; nếu không kịp thời phát hiện và điều chỉnh thì có thể xảy ra những hậu quả đáng tiếc, hoặc biến những cuộc gặp gỡ đồng hành trở thành những cuộc trò chuyện đạo đức hay thăm hỏi xã giao thuần túy.

Việc trệch hướng này có thể biểu lộ qua hiện tượng người thụ hưởng hay xen vào cuộc đồng hành những vấn đề của người khác, vấn đề của gia đình, công việc kinh doanh, hay những mối bận tâm trần thế nào khác. Nếu không kéo họ trở về với mục đích thiêng liêng, họ có thể đi quá xa vào những vấn đề không đâu, cuộc đồng hành chẳng mang lại kết quả nào, mà còn làm tiêu tốn thời gian của cả hai người nữa. Hoặc có khi người thụ hưởng luôn có ảo tưởng là mình gặp Chúa, được thị kiến, được trao phó sứ điệp..., việc giám sát của người đồng hành lúc này thật là quan trọng, không phải lúc nào người thụ hưởng nói với mình điều gì cũng là sự thật. Chúng ta nhắc lại ở đây nhiệm vụ phân định của vị đồng hành nữa.

Một bổn phận khác của vị đồng hành thiêng liêng có tác dụng rất cụ thể và thiết thực đối với người thụ hưởng trên hành trình tâm linh, đó là việc sửa chữa những khuyết điểm:

5. Sửa chữa những khuyết điểm

Một số nhà tu đức xưa thường ví tâm hồn con người như một thửa ruộng, trong đó mọc đầy cỏ dại. Nếu chỉ nhổ cỏ mà không gieo lúa vào thì chẳng mấy chốc cỏ tiếp tục mọc lên; nếu gieo lúa mà không nhổ cỏ, thì cỏ sẽ lấn át hết lúa; hoặc nếu chờ nhổ hết cỏ rồi mới gieo lúa thì chẳng biết bao giờ mới triệt tiêu hết được cỏ dại, và rốt cuộc lúa cũng chẳng có. Như thế, một việc làm kép lúc này là vừa gieo lúa vừa phải nhổ cỏ: lúa lớn dần và từ từ lấn át cỏ dại; nếu mỗi ngày kiên nhẫn nhổ cỏ và chăm sóc cho lúa, thì chẳng mấy chốc sẽ có một ruộng lúa xanh ngát và hứa hẹn một mùa thu bội hạt.

Đời sống tâm linh cũng thế, khởi đầu là việc chấp nhận chính mình (lúa và cỏ mọc chung), một khi tăng trưởng hơn trong đời sống thiêng liêng (lúa tốt lấn át dần cỏ dại), thì phải vượt qua chính bản thân mình, triệt tiêu những tội lỗi và nét xấu (nhổ hết cỏ dại). Công việc này không diễn ra trong ngày một ngày hai, mà là một tiến trình liên li. Người thụ hưởng phần lớn phải lãnh trách nhiệm này, hay nói cách khác là mỗi người phải có trách nhiệm trong việc nên thánh của mình; tuy nhiên, trong mối tương quan đồng hành, vị đồng hành sẽ đóng góp một phần không nhỏ trong việc giúp người khác sửa chữa nét xấu. Nếu như việc lắng nghe đích thực là không phê phán, không lên án, chấp nhận họ như chính họ là... thì việc sửa chữa khuyết điểm không đi ngược lại với nguyên tắc trên. Nên biết rằng, chấp nhận con người không có nghĩa là đồng lõa với nét xấu; không kết án, không phán xét, không có nghĩa là không được sửa đổi sai lầm và giúp đương sự nên tốt hơn.

Sửa lỗi là một nghệ thuật, vị đồng hành đồng thời phải thể hiện tính nghiêm túc, cứng rắn, vừa phải bày tỏ lòng bao dung độ lượng, để làm sao người được sửa lỗi không thấy mình bị tổn thương và vẫn cảm nhận được sự cảm thông, yêu mến; từ đó họ có thể vượt qua được những giới hạn của mình mà không bị dồn nén, ép buộc. Và cũng chính khi đó, người thụ hưởng có cơ may đọc ra ý định của Chúa và cảm nhận được tình thương của Người. Một cuộc biến đổi như thế phải là kết quả của cuộc đồng hành thiêng liêng đúng nghĩa.

6. Giữ bí mật [22]

Trong công tác đồng hành, việc giữ bí mật cho người thụ hưởng là một bổn phận người đồng hành phải nghiêm túc chu toàn; hơn nữa, không phải chỉ giữ bí mật vì những điều người thụ hưởng nói ra thuộc toà trong, nhưng còn phải giữ vì đó là nhiệm vụ của mình. Do vậy, dù bất cứ lý do gì, ngay cả khi người thụ hưởng cho phép, vị đồng hành cũng không được tiết lộ những gì mình biết được về người thụ hưởng qua cuộc gặp gỡ thiêng liêng. Nhiều khi gặp những trường hợp khó khăn, vị đồng hành có thể tham khảo ý kiến những vị khôn ngoan và giàu kinh nghiệm khác, tuy vậy vẫn phải khôn ngoan không để bí mật bị tiết lộ, dù chỉ là vô tình, hay qua cách nói của mình người khác có thể đoán biết được sự việc.

Đừng kể chiều kích tâm linh, xét theo khía cạnh tâm lý, người thụ hưởng có quyền đòi buộc vị đồng hành phải tuyệt đối giữ bí mật, họ cần bảo đảm rằng vấn đề của họ sẽ không để một người thứ ba biết được. Một khi cách nào đó việc giữ bí mật

này bị vi phạm, vấn đề riêng tư của người thụ hưởng trở thành đề tài cho người khác đàm tiếu, dị nghị, thì vị đồng hành sẽ mất tín nhiệm, làm sao người ta dám cởi mở tâm hồn mình cho một người như thế nữa; và điều quan trọng, là không lường hết được sự tổn thương của người thụ hưởng.

Chính vì thế, vị đồng hành phải khôn ngoan liệu sao cho cuộc gặp gỡ thiêng liêng của mình không có nguy cơ bị người khác nghe lén, hoặc bị gián đoạn quá nhiều vì cùng lúc phải tiếp những vị khách khác, phải trả lời điện thoại... Nếu không tạo được bầu khí tự do, thoải mái, ân cần, thì khó lòng người thụ hưởng có thể bày tỏ những kinh nghiệm nội tâm sâu xa có khi liên quan đến những kinh nghiệm thần hiệp, hoặc những kinh nghiệm tội lỗi nữa.

Tóm lại, trước hàng loạt trách nhiệm phải chu toàn, nhiều khi vị đồng hành có cảm giác khó có thể hoàn tất nổi; tuy nhiên chúng ta chỉ nhắc lại hai nhiệm vụ quan trọng: đó là giúp người thụ hưởng chú ý tới Thiên Chúa đang tự mặc khải mình cho họ, thứ đến là giúp họ ý thức lại những phản ứng của mình và sẵn sàng đáp trả lời mời gọi của Thiên Chúa; hay nói cách khác là đón nhận và thực thi thánh ý Chúa trong cuộc sống. Đây là trách nhiệm nặng nề và khó khăn. Người thụ hưởng chỉ đi đến kết quả một khi được giúp đỡ để sống thái độ chiêm niệm, để đi ra khỏi con người của mình, khỏi sự quy ngã, mà hướng về Thiên Chúa.

Nói cách khác, theo thánh Phaolô, người ta chỉ được nên công chính nhờ đức tin, chứ không phải là do chu toàn lề luật, do những nỗ lực thực thi luân lý; [23] cũng vậy, việc người thụ hưởng đi đến thành toàn là do Chúa, do chính bản thân họ kết hợp với Chúa, chứ không phải do tài khéo của vị đồng hành. Do vậy, một khi đã cố gắng hết sức, mà việc đồng hành không hiển lộ, thì vị đồng hành cũng đừng thất vọng hay áy náy lương tâm, hãy trao phó người thụ hưởng cho Chúa, và tin rằng Người sẽ có cách.

Chúng ta vừa tìm hiểu phẩm tính và nhiệm vụ của vị đồng hành; tuy nhiên, nếu chỉ nói về phía vị đồng hành không thì chưa đủ; trong mỗi tương quan, cần phải có sự cộng tác của cả hai phía. Do vậy, phẩm tính và nhiệm vụ của người thụ hưởng cũng đóng vai trò quan trọng giúp cho cuộc gặp gỡ thiêng liêng có kết quả.

Chúng ta bước vào chương cuối của tập khảo luận, bàn về những phẩm tính và nhiệm vụ của người thụ hưởng trong việc đồng hành thiêng liêng.

[1] Xc. Jordan Aumann, OP. Đời sống tâm linh, tập II, tr. 303.

[2] Xc. W. A. Barry, W. J. Connolly, Tập làm linh hướng, tr. 212-213.

[3] W. A. Barry, W. J. Connolly, Tập làm linh hướng, tr. 214.

[4] Jordan Aumann, OP. Đời sống tâm linh, tập II, tr. 304.

[5] Xc. Sđd, tr. 305.

[6] Việc đồng hành được đặt nền trên mối tương quan tự do, lắng nghe và thấu cảm. Một trong những nguyên tắc căn bản của lắng nghe là không bao giờ quyết định đùm người khác, thế nhưng có những trường hợp vị đồng hành phải cứng rắn bắt người thụ hưởng vâng phục, chẳng hạn trường hợp của những người lương tâm bối rối. Một quyết định cụ thể cho họ lúc này là giải pháp khôn ngoan.

[7] Xc. Jordan Aumann, OP. *Đời sống tâm linh*, tập II, tr. 307.

[8] Xc. Jordan Aumann, OP. *Đời sống tâm linh*, tập II, tr. 310-311.

[9] Xc. W. A. Barry, W. J. Connolly, *Tập làm linh hướng*, tr. 209.

[10] Người Hy Lạp khởi đầu việc suy tư và sắp xếp các nhân đức có hệ thống, quy vào bốn đức căn bản, dựa trên cấu trúc tâm lý của con người. Theo các sử gia, việc sắp xếp này bắt nguồn từ Platon (*Repubblica IV*), khi ông mô tả những đức tính nổi bật của các dân tộc. Kẻ sử dụng trí tuệ tốt là người khôn ngoan, ai điều khiển được lòng can đảm là mạnh bạo, làm chủ được dục vọng là tiết độ, và để thực hành các hành vi ấy đúng lúc đúng thời thì cần phải có công lý.

Người Do Thái đã tiếp nhận học thuyết về “bốn nhân đức”, được ghi nhận nơi sách Khôn Ngoan: “Nếu ai ưa chuộng công lý thì Đấng Cao minh sẽ sản sinh các nhân đức. Thực vậy, Ngài sẽ dạy cho biết sống tiết độ và khôn ngoan, công bình và mạnh bạo: trên đời không gì ích lợi hơn các đức đó” (Kn 8,7).

Tại Alêxandria, ông Clêmentê (k. 150 - k. 215) chú giải bốn đức đó theo viễn tượng Kitô giáo. Thánh Ambrôsiô (k. 330 - 397), trong tác phẩm *De officiis ministrorum*, đặt tên bốn đức này là bốn nhân đức trụ. Sau này, thánh Grêgôriô Cả (k. 540 - 604) đã nâng lên thành bảy nhân đức: ba nhân đức hướng thần, bốn nhân đức luân lý. Thánh Tôma Aquinô thêm bảy hồng ân Thánh Linh vào bảy nhân đức, nhằm làm nổi bật khía cạnh ơn Chúa trong việc giúp con người nên hoàn thiện, bởi chưng, con người nên thánh không phải chỉ do nỗ lực của mình. Ngoài ra thánh nhân còn gán thêm khoảng 50 nhân đức vào 7 nhân đức chính này nữa (Xc Phan Tấn Thành, *Đời sống tâm linh*, tập III, tr. 202-204, 245. Về cách phân chia các nhân đức, xem thêm GLHTCG số 1805 -1829).

[11] Các nhân đức hướng thần được coi là đặc trưng của luân lý Kitô giáo. Thánh Phaolô không gọi tin - cậy - mến là các “nhân đức” theo nghĩa các triết gia Hy Lạp (Xc. 1Cr 13,13; 1Tx 1,3; Cl 1, 4-5; Ep 1, 15-18; 4,2-5...). Tin - cậy - mến còn phải hiểu như là những “thái độ sống” nữa (Xc. Sđd, tr. 206).

[12] Xin xem thêm: Sắc lệnh về đào tạo linh mục, số 8; Sắc lệnh về việc canh tân Dòng tu, số 25.

[13] Thánh Tôma đưa ra 6 lời khuyên để luyện tập đức khôn ngoan (*Summa Theologica II-II*, q. 49), (Xc. Phan Tấn Thành, *Đời sống tâm linh*, tập III, tr 249-250), nhưng chúng ta cũng có thể hiểu ngược lại, nhờ đức khôn ngoan mà ta có thể đạt được những điều ấy.

[14] Đó là những hệ quả của đức công bình. Nhân đức này chi phối các nghĩa vụ đối với Chúa và đối với tha nhân. Ta đọc thấy trong một số văn kiện của Giáo hội đề cập

đến những đức tính liên quan đến đức công bình giúp cho vị linh mục giao tiếp với cộng đồng, giúp duy trì bầu khí hoà thuận ấm cúng trong cộng đoàn... (Xc. Văn kiện Đời sống huynh đệ trong cộng đoàn - 2.2.1994, số 17-28; Cđ Vat. II, Sắc lệnh về tác vụ linh mục, số 3; Sắc lệnh về đào tạo linh mục, số 11; Đức Gioan Phaolô II, Tông huấn Pastores dabo vobis, số 43).

[15] Đây là các đức tính thánh Tôma liệt kê ra như là có họ hàng với đức can đảm (Xc. Phan Tấn Thành, Đời sống tâm linh, tập III, tr 266; Jordan Aumann, OP. Đời sống tâm linh, tập II, tr. 173-177).

[16] Những đức tính này liên quan đến đức tiết độ (Xc. Jordan Aumann, OP. Đời sống tâm linh, tập II, tr. 162-166; Phan Tấn Thành, Đời sống tâm linh, tập III, tr. 271-275).

[17] Xc. W. A. Barry, W. J. Connolly, Tập làm linh hướng, tr. 78.

[18] Tư tưởng của triết gia Gabriel Marcel.

[19] Con người không phải là đối tượng để người khác có thể hiểu biết bằng tác động của lý trí, nhưng con người luôn là chủ thể; như vậy chỉ có thể hiểu được con người trong mối tương quan ngôi vị, tương quan tình yêu. Hay nói cách khác, phải hiểu con người bằng tái tìm hơn là bằng khối óc!

[20] Xc. Richard P. Vaughan, SJ. Tư vấn mục vụ, những kỹ năng căn bản, tr. 132.

[21] Ga 16, 12-13.

[22] Về vấn đề này, xin đọc thêm: W. A. Barry, W. J. Connolly, Tập làm linh hướng, tr. 242 -243; Jordan Aumann, OP. Đời sống tâm linh, tập II, tr. 216 -217.

[23] Xc. Rm 1,16-10,21.

Chương II:

VỀ PHÍA NGƯỜI ĐƯỢC ĐỒNG HÀNH

Cũng như khi bàn về phẩm tính và nhiệm vụ của vị đồng hành, ở đây, chúng ta cũng tạm chia ra làm hai phần: phần một bàn về những phẩm tính, hiểu như điều kiện tiên quyết cần phải có; phần hai bàn về những bổn phận, hiểu như nhiệm vụ cần phải chu toàn. Trước tiên, chúng ta bàn về những phẩm tính.

I. Những phẩm tính

Trong việc đồng hành thiêng liêng, người thụ hướng phải có những phẩm tính cần thiết, và ít nhất phải có ba phẩm tính này:

1. Khao khát chân lý

Trong đời sống tự nhiên, người ta sẽ chẳng muốn ăn uống gì khi không cảm thấy đói, thấy khát; cũng vậy, trong đời sống siêu nhiên, nếu một khi họ không cảm thấy mình đói khát Thiên Chúa, thì Thiên Chúa cũng chẳng có ý nghĩa gì đối với họ. Như cánh đồng khô cháy nứt nẻ, trận mưa rào có ý nghĩa làm sao; thì cũng thế, chỉ có thái độ khao khát thực sự, con người ta mới có thể mở rộng tâm hồn đón nhận chân lý, đón nhận chính Chúa. Một tâm hồn khao khát sự thật như thế, sẽ giúp cho việc đồng hành thiêng liêng dễ dàng hiển lộ, vì chính chân lý sẽ giải thoát, [1] sẽ dẫn người thụ hưởng đến chân trời tự do.

Đức Giêsu xin Chúa Cha thánh hóa các môn đệ trong chân lý. Chân lý của Thiên Chúa sẽ thánh hiến, thánh hoá: chân lý biến đổi, chữa lành chúng ta, bằng cách xoá bỏ mọi nỗi nghi nan, sợ hãi, khép kín; san bằng những nỗi ngông cuồng, bất cần, phóng túng; và lấp đầy những khát vọng sâu thẳm trong tâm hồn.

Sự khao khát chân lý có thể coi như một lực đẩy khiến con người trần trở, khắc khoải kiếm tìm, không an phận với tình trạng của mình. Và rất nhiều khi người ta rơi vào khủng hoảng, bế tắc... nhưng đó là dấu hiệu đáng mừng; nếu nói như ngôn ngữ của cha Timothy Radcliffe, nguyên Bề trên tổng quyền dòng Đa Minh, thì “khủng hoảng là dấu hiệu của sự sống”. Một khi ý thức được tình trạng bế tắc của mình, người ta chỉ còn biết trông chờ Thiên Chúa như một Đấng giải thoát, chính khi ấy Thiên Chúa sẽ ra tay. Thiên Chúa có thể ra tay bằng cách bày tỏ thánh ý của Người qua vị đồng hành, và một khi tâm hồn người thụ hưởng đang khát khao, thì họ sẽ được thoả thuê nơi dòng suối mát ân sủng.

Sự hiển lộ của tâm hồn khao khát chân lý là như vậy. Thế nên, làm sao có thể kéo một người đang sống trong tình trạng tội lỗi ra khỏi bóng đêm u mê của họ, nếu một khi bản thân họ không muốn thoát ra khỏi bóng đêm ấy; hay nói khác đi, nếu họ không khao khát nên hoàn thiện, thì những trợ lực bên ngoài cũng trở nên vô ích. Tuy nhiên, cũng phải lưu ý rằng ngay cả chuyện khao khát nên hoàn thiện như một nỗ lực của lý trí và ý chí, thì đó cũng chính là sự tác động của Chúa hay là ân sủng của Người rồi.

Như vậy, điều tiên quyết để họ có thể nhấc chân ra khỏi chỗ đứng sai lầm của mình, là chính họ phải khao khát thoát ra khỏi hoàn cảnh ấy. Sự khao khát này dẫn đến một hành vi tích cực là chân thành tìm kiếm thánh ý Thiên Chúa.

2. Chân thành tìm kiếm

Sáng sớm ngày Chúa phục sinh, cô Maria Macđala ra viếng mộ, Đức Giêsu đã hiện ra và hỏi: “Chị tìm ai?” Chúng ta có thể lặp lại câu hỏi này ứng dụng vào việc đồng hành thiêng liêng: bạn tìm ai? Hoặc, bạn tìm kiếm điều gì? Không ít người thụ hưởng tìm đến với vị đồng hành không phải vì mục đích thiêng liêng, và như vậy, cuộc gặp gỡ tâm linh sẽ bị biến chất. Chỉ có thái độ chân thành tìm kiếm đích thực, người thụ hưởng mới có thể đón nhận thánh ý Thiên Chúa ngay trong hoàn cảnh cụ thể của mình. Cô Maria đã gặp Đấng Phục Sinh ngay tại nơi Người đã được chôn cất.

Thái độ chân thành sẽ được biểu lộ qua việc cởi mở, tự nhiên, và thoải mái. Họ tự nhiên với chính mình, tự nhiên “là mình” trong mọi mối tương giao, không đeo mặt nạ, không đóng kịch; sốt sắng bộc lộ cách thẳng thắn, trung thực những cảm nghĩ, những vấn đề của mình. Chính việc chân thành sẽ giúp cho cuộc tìm kiếm được dễ dàng, vị đồng hành đỡ mất công sức, thì giờ để phân định xem thực sự người thụ hưởng của mình đang tìm kiếm điều gì qua những cuộc gặp gỡ này.

Cha Jordan Aumann, OP. còn coi chân thành là phẩm tính hàng đầu và quan trọng nhất, vì nếu đương sự không chân thành thì không cách nào hướng dẫn được. Nhờ chân thành tìm kiếm sự thật, người thụ hưởng sẵn sàng bộc lộ cho vị đồng hành biết tất cả tình trạng của linh hồn, những cơn cám dỗ và yếu đuối, những ước muốn và quyết tâm, những khuynh hướng tốt và xấu, những khó khăn và thử thách, những thành công và thất bại... Một khi hiểu rõ được người thụ hưởng, vị đồng hành mới có thể hướng dẫn được. [2]

Ngược với thái độ chân thành là thái độ giả dối, thể hiện qua những bộc lộ sai sự thật, vòng vo, thêm bớt, tìm cách phóng đại các nhân đức của mình, biện hộ cho những nét xấu, lèo lái vị đồng hành theo ý riêng mình... Những thái độ như thế sẽ cản trở, làm cho người thụ hưởng không thể nghe được tiếng của Thánh Thần. Trong lúc thuận tiện nhất, tự nơi sâu thẳm của tâm hồn, hay qua các biến cố, Thánh Thần vẫn tác động, lên tiếng; vấn đề là con người có mở lòng ra với tác động của Người hay không.

3. Dễ mở lòng ra với tác động của Thánh Thần

Chúng ta đã bàn ở trên hai phẩm tính căn bản của người thụ hưởng đó là khao khát chân lý và chân thành tìm kiếm. Phẩm tính thứ ba này có thể nói như là hệ luận của hai phẩm tính trước: chính do lòng khao khát và chân thành tìm kiếm mà đương sự dễ mở lòng ra với tác động của Thánh Thần. Chính Chúa Thánh Thần là vị đồng hành đích thực, cư ngụ trong người thụ hưởng, là Đấng đã được Chúa Cha ban tặng như là bảo chứng sự hiện diện và dẫn dắt của Đức Giêsu ở trần gian:

“Nếu anh em yêu mến Thầy, anh em sẽ giữ các điều răn của Thầy. Thầy sẽ xin Chúa Cha và Người sẽ ban cho anh em một Đấng Bảo Trợ khác đến ở với anh em luôn mãi. Đó là Thần Khí sự thật, Đấng mà thế gian không thể đón nhận, vì thế gian không thấy và cũng chẳng biết Người. Còn anh em biết Người, vì Người luôn ở giữa anh em, và ở trong anh em”. [3]

Khi nói về Chúa Thánh Linh, Đức Giêsu đã nhấn mạnh: “Khi Đấng Bảo Trợ đến... Người sẽ làm chứng về Thầy. Người sẽ dẫn anh em đến sự thật toàn vẹn”. [4] Thế nhưng, hành trình đi đến sự thật trọn vẹn ấy cũng lắm nhiều khê, người thụ hưởng chỉ có thể kiên vững trên nẻo đường thiêng liêng một khi chấp nhận để cho Thánh Thần tác động, hướng dẫn. Bởi chưng “Không ai có thể nói rằng: ‘Đức Giêsu là Chúa’ nếu họ không ở trong Thần Khí”. [5]

Như vậy dấu hiệu nào cho thấy người thụ hưởng đang mở lòng ra với tác động của Thần Khí? Trước tiên là tâm hồn họ cảm nhận được sự bình an, “sự bình

an mà thế gian không thể ban tặng”. [6] Sự bình an này kèm theo niềm xác tín rằng: để thành thật với Chúa và với chính bản thân mình, không cách nào khác là tự nguyện rời bỏ cái tôi của mình và đón nhận những chỉ dẫn từ vị đồng hành. Một khi chấp nhận “buông theo Thần Khí”, thì người thụ hưởng sẽ cảm nhận được thế nào là những hoa quả của Thần Khí, đó là: “Yêu thương, vui mừng, bình an, kiên nhẫn, nhân hậu, từ tâm, trung tín, hiền hoà và tiết độ”. [7]

Tuy nhiên, sự bình an nội tâm không miễn chấp cho người thụ hưởng phải tiếp tục tra vấn, thanh luyện, khám phá, và cộng tác tích cực vào việc phân định. Cũng nên biết rằng, đừng quá đơn sơ cho là tất cả những gì vị đồng hành hướng dẫn đều phát xuất từ Thiên Chúa, đều là chân lý! Vị đồng hành là con người nên vẫn có những sai lầm, có lúc mù mờ, đen tối, đó là điều không thể tránh khỏi.

Cuối cùng, một khi chấp nhận mở lòng ra với Thần Khí, thì người thụ hưởng phải xác tín rằng đó là nẻo đường của niềm tin, của sự phó thác và lòng yêu mến. Thiên Chúa sẽ dẫn dắt con cái của Người đến những chân trời mới mà con người không hề biết trước, và cũng chẳng bao giờ dám nghĩ đến. Đó là kết quả cuối cùng của cuộc đồng hành, người thụ hưởng bình an bước đi trên con đường Chúa đã vạch ra, tiến dần đến chỗ thành toàn, và sinh nhiều hoa thơm trái tốt.

II. Những bổn phận

Sau khi đã bàn đến những phẩm tính, chúng ta nói về bổn phận của người thụ hưởng. Nếu như người thụ hưởng đóng góp phần tích cực, bằng cách chu toàn bổn phận của mình, thì việc đồng hành sẽ dễ dàng hiển lộ hơn. Chúng ta chỉ gọi ra ở đây những bổn phận chính như:

1. Thận trọng và tín nhiệm

Nếu như vị đồng hành phải giữ bí mật những điều liên quan đến việc đồng hành thiêng liêng, thì người thụ hưởng cũng phải thận trọng giữ im lặng những gì mình đón nhận được từ vị đồng hành. Không nên đem chuyện của mình, những lời khuyên dành cho mình, để chia sẻ với người khác. Vì mỗi người, mỗi hoàn cảnh khác nhau, không thể áp dụng một lời khuyên cho mọi trường hợp; có thể đối với người này, lời khuyên như thế là khôn ngoan; nhưng đối với người kia, làm như thế là liều lĩnh và nguy hại... Không ít trường hợp vị đồng hành đã phải chịu nhiều đau khổ, hiểu lầm, chỉ vì người thụ hưởng thiếu sự thận trọng cần thiết này. Nhiều khi người thụ hưởng vì bất đồng hay bức tức với vị đồng hành của mình, lại còn có những lời nói xuyên tạc, làm mất thanh danh vị đồng hành, và dĩ nhiên việc làm này chẳng mang lại ích lợi gì cho cuộc gặp gỡ thiêng liêng của họ, mà trái lại chỉ gây hậu quả tai hại mà thôi. [8]

Song song với sự thận trọng, người thụ hưởng phải tín nhiệm vị đồng hành nữa. Sự tín nhiệm này nuôi dưỡng việc cởi mở, chân thành, thẳng thắn với những giảng co nội tâm, những cuộc chiến đấu thiêng liêng, và ngay cả với những khuynh

hướng tới lỗi nữa. Sự tín nhiệm này bao gồm cả thái độ trân trọng, lòng yêu mến và vâng phục vị đồng hành.

Trân trọng vị đồng hành không phải chỉ với tư cách cá nhân với một vài phẩm tính của vị ấy, nhưng còn với tư cách là vị đại diện Thiên Chúa và Đức Kitô. Đừng đặt nặng về những khuyết điểm hay đức tính vị đồng hành có thể có trong lãnh vực tự nhiên, nhưng phải nhìn với sự tôn trọng đúng mức trong tư cách là người hướng dẫn và chỉ đường cho đời sống tâm linh.

Yêu mến vị đồng hành không phải chỉ bằng lòng yêu mến tự nhiên, mà phải bằng một tình yêu siêu nhiên; tuy nhiên, phải tránh thái độ nhập nhằng nguy hiểm giữa tình yêu xúc cảm và tình yêu siêu nhiên thuần túy.

Vâng phục vị đồng hành có nghĩa là lắng nghe và vâng phục thánh ý Thiên Chúa bày tỏ qua vị đồng hành. [9] Tuy nhiên vấn đề được đặt ra là: phải vâng phục vị đồng hành tới mức độ nào? Đây là điều đã được tranh luận trong suốt lịch sử việc đồng hành. Những tác giả theo truyền thống thánh Tôma thì muốn thay thế nghĩa vụ vâng phục bằng sự ngoan ngoãn và thận trọng chấp nhận những lời hướng dẫn của vị đồng hành; còn những tác giả khác theo sát truyền thống thánh Inhaxiô và thánh Phanxicô Salêsiô thì lại nhấn mạnh vào sự vâng phục vị đồng hành một cách nhiệm nhặt. [10]

Trong truyền thống hoang mạc, ý nghĩa Kinh thánh của vâng phục trong việc đồng hành được đặc biệt lưu tâm tới. Cha Merton giải thích sự vâng phục theo truyền thống hoang mạc như sau:

“Đây không phải là một sự vâng phục tối mật, thiếu lý luận và có tính cách thụ động của một người, mà họ chỉ biết vâng lời để gây cho mình sự ‘tan vỡ’, nhưng là sự vâng lời sáng suốt, tín nhiệm của người tin chắc chắn rằng vị hướng dẫn mình biết được đường lối chân thật dẫn tới sự an bình, sự trong sạch cõi lòng, và là lời giải thích ý muốn của Thiên Chúa cho mình”. [11]

Như thế, việc thận trọng và tín nhiệm bao gồm thái độ trân trọng, yêu mến và vâng phục. Đó là phận vụ người thụ hưởng cần chu toàn trong việc đồng hành.

2. Can đảm bộc lộ và chấp nhận hậu quả

Từ thái độ tín nhiệm, người thụ hưởng tiến thêm một bước quan trọng là can đảm bộc lộ và chấp nhận hậu quả của việc bộc lộ đó. Bộc lộ tâm hồn là việc làm quan trọng và khó khăn, vì không phải ai cũng có thể dễ dàng phơi bày những kín ẩn trong tâm hồn mình cho người khác. Không ít người thụ hưởng đã phải bối rối, lưỡng lự không biết phải bắt đầu câu chuyện như thế nào, bắt đầu từ đâu, điều gì nên nói và điều gì không... Bởi vì một khi chấp nhận bày tỏ tâm hồn, là cũng chấp nhận rủi ro, có thể những vấn đề của mình không được chấp nhận, không được đồng cảm, hoặc bị hiểu lầm, kết án. Sự tổn thương có thể xảy đến, nếu như vị đồng hành thiêng liêng thiếu những phẩm tính cần thiết khi đón nhận những bí mật tâm hồn của người thụ hưởng.

Trong suốt dòng lịch sử đồng hành, những bậc thầy vĩ đại đã từng cho những lời khuyên đầy tâm huyết, và lời khuyên đó trở nên như một nguyên tắc quan trọng trong việc đồng hành: “Hãy lột trần vết thương tâm hồn của bạn cho vị thầy thuốc thiêng liêng. Đừng nên xấu hổ khi nói: đây là lỗi của con, đây là sự yếu đuối của con...”

Thánh Basiliô trong khi khuyên răn các tu sĩ trẻ bộc lộ tâm hồn, ngài nói:

“Nếu bạn muốn tiến bộ, bạn không nên che dấu bất cứ một chuyển biến nào của tâm hồn. Tốt hơn, bạn nên thổ lộ những thâm kín của tâm hồn mình cho những người anh em có nhiệm vụ xử lý những lo lắng của người yếu đuối với lòng yêu thương thông cảm và trắc ẩn. Bằng cách này, họ thông qua những điều đáng khen, còn những điều đáng quở trách phải nhận được sự sửa chữa xứng hợp. Với việc thực hành cởi mở như vậy, chúng ta sẽ dần dần hoàn thiện”. [12]

Thánh Phanxicô Salêsiô cũng có lời khuyên tương tự:

“Hãy mở tâm hồn mình cho vị đồng hành với tất cả sự thành thật và tin tưởng, hãy bộc lộ rõ ràng và chính xác tình trạng lương tâm, không giả dối hay hư cấu. Bằng cách này, những hành động tốt sẽ được kiểm nghiệm và được đón nhận; những hành động xấu sẽ được sửa sai và chữa trị. Với những nỗi đau bạn sẽ được an ủi và được làm cho mạnh sức, sẽ được điều chỉnh và làm cho khuây khỏa”. [13]

Một khi người thụ hưởng có khả năng bóc trần tâm hồn mình, thì vị đồng hành dễ dàng phân định đâu là khát vọng thâm sâu của người con thiêng liêng và giúp nhận ra đâu là ý Chúa cần phải thi hành. Quả thực, theo nghĩa Kinh thánh, việc bày tỏ tâm hồn là bày tỏ trọn vẹn con người. Tâm hồn chứa đựng những cảm nghĩ, tình cảm, ước muốn và đam mê. Tâm hồn là nơi của khôn ngoan và là gốc rễ của hiểu biết. Chính ở nơi tâm hồn mà Thiên Chúa ngự trị. Chính từ nơi sâu thẳm tâm hồn, Thiên Chúa ghi khắc lề luật của Người, [14] và những ai tìm kiếm Đức Chúa hết lòng, hết linh hồn thì Người sẽ cho gặp, [15] sẽ được Người cắt bì tâm hồn cho đến khi nào yêu mến Người trọn vẹn; [16] nghĩa là được người ban tặng một trái tim mới, trái tim bằng thịt biết yêu thương thay vì trái tim chai đá; [17] và cũng đừng quên rằng chính Chúa là Đấng dò xét cõi lòng và Người thấu suốt tất cả. [18]

Chính nơi đây, “Thiên Chúa đã đổ tình thương của Người vào lòng chúng ta, nhờ Thánh Thần mà Người ban cho chúng ta”. [19] Và cũng chính nơi tâm hồn, nhiều điều xấu xa xuất hiện làm cho con người ra ô uế. [20]

Do vậy, việc bày tỏ tâm hồn là cách thức chữa trị tận căn những đam mê tật xấu, những khuyết điểm của mình; là cách mở lòng mình ra cho Thánh Thần hướng dẫn; là chấp nhận đi vào nẻo đường của niềm tin.

Bây giờ, chúng ta bàn đến phận vụ khác người thụ hưởng cần phải chu toàn:

3. Siêng năng cầu nguyện và kiên nhẫn đợi chờ

Trong việc đồng hành thiêng liêng, cầu nguyện là điều không được coi nhẹ. Người thụ hưởng phải được khai mở và dẫn vào đời sống cầu nguyện, đời sống nội tâm. Cha André Louf xác tín rằng, người nào đã khám phá ra được tính nội tâm của mình, người đó đã học sống từ trái tim mình. Thế mà tiến trình nội tâm hoá này, trong nhiều trường hợp thường diễn ra vào lúc cầu nguyện. Sự biến chuyển này là thành phần lịch sử đời họ, và là một giai đoạn quyết liệt. [21] Thiên Chúa ngỏ lời với họ nơi khúc quanh này, và dẫn họ đến những khám phá mới. Nhiều khi sự cảm nhận này hiển lộ ngay ở bước đầu của đời sống cầu nguyện; tuy nhiên, đối với không ít người, đó vẫn là hành trình khám phá trong đêm tối. Thánh Gioan Thánh Giá, thánh Têrêsa Hải Đồng Giêsu... đã có cảm nhận sâu sắc về đêm tối đức tin này.

Người thụ hưởng không thể đợi chờ kết quả cuộc đồng hành như nóng lòng chờ kết quả xổ số! Nếu không thiết tha đời sống cầu nguyện, không muốn gặp gỡ Chúa, [22] thì người thụ hưởng đã phản bội lại chính mình khi tìm đến với việc đồng hành. Người thụ hưởng có thể không biết cách cầu nguyện, hoặc gặp nhiều khó khăn trong cầu nguyện, nhưng nếu cứ kiên nhẫn, trung thành, cộng tác với sự hướng dẫn của vị đồng hành, họ sẽ khám phá ra được Thiên Chúa ở gần họ hơn là họ tưởng, chính Người sẽ ngỏ lời với họ, và việc cầu nguyện lúc này không còn phải là việc làm của lý trí, nhưng nhường chỗ cho sự gặp gỡ, cho những lời thân thưa ngọt ngào: “Abba, Cha ơi!”.

Và nếu như việc hiển lộ thiêng liêng hệ tại nơi chính cuộc gặp gỡ cá vị giữa người thụ hưởng và Thiên Chúa, thì chính lúc này đây, họ sẽ nhận ra kế hoạch của Thiên Chúa trong cuộc đời mình. Việc đáp lời “xin vâng” là một hành vi đức tin và cũng là bước khai mở một hành trình khám phá mới trong sự dẫn dắt nhiệm mầu của Thần Khí, cuộc khám phá ra sự thật toàn vẹn trong chương trình cứu độ của Chúa.

Nói như vậy có tắt quá không, một khi thực tế bao người vẫn cảm thấy Thiên Chúa xa cách, Thiên Chúa vắng mặt, hay mạnh hơn nữa là Thiên Chúa đã chết? Đối với họ, việc cầu nguyện không hơn không kém chỉ là việc làm giết giờ, là chạy trốn thực tại, là những tiếng gào thét vô vọng để cuối cùng chỉ nhận được sự trả lời là việc im lặng triền miên. Phải chăng đây là lúc Thiên Chúa chất vấn hay thử thách sự tự do của đương sự? Câu trả lời này phải nhường cho những kinh nghiệm gặp gỡ đối thoại giữa tự do và ân sủng, giữa sự khao khát tìm kiếm của con người và mạc khải của Thiên Chúa, giữa sự thách thức Thiên Chúa và hành vi đức tin đích thực.

Tuy nhiên, điều quan trọng là đừng đánh mất niềm hy vọng; đừng lên chương trình trước rồi bắt Chúa thực thi theo đúng kế hoạch. Cần học cho biết thế nào là sự kiên nhẫn đợi chờ trong niềm tin. Chính khi có thái độ sống như thế, người thụ hưởng có thể vươn mình về phía trước, trong khi vẫn sống sung mãn trong sự hiện diện, lắng nghe tiếng Chúa ngay lúc này, ở đây. Trong dụ ngôn Chúa nói về ngày Con Người đến giống như kẻ trộm, nhiều người chỉ hiểu đó là ngày tận thế, hay là ngày Chúa gọi mình ra khỏi thế gian, nhưng không nghĩ rằng đó cũng là ngày Thiên Chúa tỏ mình, ngày Người gặp gỡ trong mối tương quan cá vị, ngày mà con người vỡ oà ra trong ánh sáng linh diệu: Thiên Chúa ở trong tôi, Người kiếm tìm tôi, thế mà tôi cứ khắc khoải tìm Người ở nơi nào khác. Người ở gần tôi hơn là chính tôi

gần tôi nữa. Đó cũng chính là kinh nghiệm thiêng liêng của thánh Âu Tinh trong cuộc tìm kiếm khắc khoải của ngài, cuộc tìm kiếm mà ngài diễn tả là chẳng bao giờ được no thoả cho đến khi được nghỉ yên trong Thiên Chúa.

Như vậy, siêng năng cầu nguyện và kiên nhẫn đợi chờ là phận vụ người thụ hưởng phải chu toàn trong khi đợi chờ ánh bình minh của cuộc đồng hành bừng sáng lên và huy hoàng như chính ngọ.

[1] Xc. Ga 8,32.

[2] Xc. Jordan Aumann, OP. Đời sống tâm linh, tập II, tr. 317.

[3] Ga 14, 15-17.

[4] Ga 15, 26; 16,13.

[5] 1Cr 12,3.

[6] Ga 14,27.

[7] Gl 5, 22-23.

[8] Xc. Francis Kelly Nemeck, OMI, Marie Theresa Coombs, Hermit, The way of sipiritual direction, tr. 255 - 257; Jordan Aumann, OP. Đời sống tâm linh, tập II, tr. 320.

[9] Theo Kinh thánh Cựu ước, sự vâng phục, Shama, có nghĩa là lắng nghe; Tin mừng cũng đề cập tới sự vâng phục với từ ngữ “Hypakouo”, cũng có nghĩa là lắng nghe; và cả trong La ngữ, từ “Obedire” hay Anh ngữ, từ “Obey” cũng có nghĩa là lắng nghe. Như vậy, vâng phục là lắng nghe tiếng Chúa qua vị đồng hành thiêng liêng (Xc. Francis Kelly Nemeck, OMI, Marie Theresa Coombs, Hermit, The way of sipiritual direction, tr. 258)

[10] Xc. Ibidem, tr. 58.

[11] Op. cit. tr. 58.

[12] Francis Kelly Nemeck, OMI, Marie Theresa Coombs, Hermit, The way of sipiritual direction, tr. 83.

[13] Introduction to the Devout Life, I,4 (Trích theo Francis Kelly Nemeck, OMI, Marie Theresa Coombs, Hermit, The way of sipiritual direction, tr. 83).

[14] Xc. Gr 31,33.

[15] Xc. Đnl 4,29.

[16] Xc. Đnl 30,6.

[17] Xc. Ed 36,26.

[18] Xc. Đnl 8,2; Tv 17,3; Cn 15,11.

[19] Rm 5,5.

[20] Xc. Gr 17,9; Mt 15,8; Lc 6,45; Mc 7, 21-22.

[21] Xc. André Louf, Ân sủng còn kỳ diệu hơn, tr. 257-258.

[22] Dĩ nhiên không phải chỉ có cầu nguyện mới gặp gỡ được Thiên Chúa, người ta vẫn có thể gặp gỡ Chúa bằng những phương cách khác; tuy nhiên, có thể nói, cầu nguyện là con đường tắt con người có thể đến với Thiên Chúa; hơn nữa, không ai có thể nói mình gặp gỡ Chúa mà lại chẳng bao giờ cầu nguyện. Khi gặp gỡ Chúa Cha, trước bất cứ một việc quan trọng nào, Đức Giêsu đã chẳng cầu nguyện đó sao?

KẾT LUẬN

Trong phần kết luận này, trước tiên, chúng ta điểm lại đôi nét chính yếu của việc đồng hành thiêng liêng. Đây không phải là bản tóm kết đầy đủ, nhưng chỉ là nhắc lại những điểm cốt yếu, xác định rõ hơn vai trò và tầm quan trọng của việc đồng hành. Cuối cùng, chúng ta nhìn về nhiệm cuộc tình thương của Thiên Chúa dành cho nhân loại, và tập trung hướng nhìn về Đức Giêsu như là Đấng khơi mở và kiện toàn đời sống tâm linh của mỗi người; chỉ trong Người, chúng ta mới có thể thành toàn và hoàn trọn cuộc lữ hành đức tin trên hành trình dương thế.

Những nét cốt yếu trong việc đồng hành

Trước tiên, phải xác tín rằng, đồng hành là việc của chính Thiên Chúa. Thiên Chúa luôn hiện diện và đồng hành với con người, và mỗi người đều có một vị trí đặc biệt trong chương trình cứu độ của Chúa. Tất cả mọi người đều được mời gọi nên

hoàn thiện, cho dầu họ là ai, đời sống ra sao, trưởng thành tâm linh tới mức độ nào...; và sự thành toàn của họ phần lớn lệ thuộc vào chính mối tương quan ngôi vị và cá biệt giữa họ với Thiên Chúa. Thiên Chúa mời gọi mỗi người trong mỗi hoàn cảnh khác nhau, Người bày tỏ thánh ý cho họ, và họ nên thánh trong chính hoàn cảnh riêng biệt của mình.

Tuy nhiên, nhiều khi Thiên Chúa không bày tỏ thánh ý bằng cách ngỏ lời trực tiếp cho từng người, nhưng bày tỏ qua lịch sử cứu độ, qua Lời của Người, qua những giáo huấn của Giáo hội..., và qua trung gian là con người, cụ thể là vị đồng hành thiêng liêng. Người thụ hưởng, qua trung gian là anh em đồng loại, gặp gỡ được Thiên Chúa, nhận ra kế hoạch của Người trong cuộc đời mình, trong những biến cố và hoàn cảnh cụ thể của mình; từ đó có thể hoàn thành vận mạng đời mình theo thánh ý Thiên Chúa.

Điều quan trọng là vị đồng hành phải luôn ý thức mình chỉ là dụng cụ trong tay Thiên Chúa, Thiên Chúa có thể dùng vị đồng hành để hướng dẫn con cái của Người, và Thiên Chúa cũng có thể trực tiếp đến với con người mà không thông qua trung gian là vị đồng hành như thế. Chẳng vậy, biết bao người tín hữu quê mùa chân chất, chẳng bao giờ được đồng hành thiêng liêng, cũng chẳng có khái niệm đồng hành là gì..., chẳng lẽ họ không được cứu độ sao?

Một khi ý thức mình chỉ là dụng cụ của Thiên Chúa, vị đồng hành đừng bao giờ tham vọng có thể giải quyết được mọi vấn đề của kiếp nhân sinh này; và như vậy không được để người thụ hưởng chỉ dừng lại nơi mình, nhưng nhờ kinh nghiệm, sự khôn ngoan và khả năng phân định, phải giúp họ gặp gỡ chính Thiên Chúa. Bởi lẽ chính kinh nghiệm gặp gỡ này sẽ giúp cho đương sự khám phá và thiết lập được mối tương quan ngôi vị với chính Đấng mà họ đang khát khao tìm kiếm, Đấng có thể lấp đầy những khát vọng của họ, và là chính sự thành toàn đời họ. Không ai có thể thay thế cho đương sự trong việc quyết định vận mạng đời mình.

Một điểm khác cũng rất cần lưu ý ở đây, như tất cả các mối tương quan khác, mối tương quan đồng hành có thể có nguy cơ bị biến chất, do sự thiếu trưởng thành tâm lý, thiếu trưởng thành tâm linh hoặc của người thụ hưởng, hoặc của vị đồng hành, và có khi là của cả hai phía nữa. Rất cần tỉnh táo và phản tỉnh để có thể tránh hoặc rút ra khỏi mối nguy cơ này, bằng không cuộc đồng hành thiêng liêng sẽ không có kết quả, mà nhiều khi còn có những hậu quả tồi tệ nữa.

Từ những điểm căn bản của việc đồng hành như trên, chúng ta thấy rằng, việc đồng hành có một vị trí nhất định trong tiến trình trưởng thành tâm linh của mỗi người. Nếu mỗi cá nhân đều được một vị thầy khôn ngoan và giàu kinh nghiệm gợi mở, hướng dẫn, thì rất nhiều cơ may người ấy có thể thành toàn, nên hoàn trọn theo như lời mời gọi và mệnh lệnh của Đức Giêsu; hơn thế nữa, từ chính kinh nghiệm gặp gỡ Thiên Chúa của mình, họ có thể hướng dẫn người khác nữa.

Không thể phủ nhận được tầm quan trọng của việc đồng hành thiêng liêng, lịch sử tu đức và linh đạo đã cho chúng ta thêm xác tín điều đó. Tuy nhiên, dù việc đồng hành thiêng liêng rất cần, nhưng không phải là tuyệt đối cần thiết cho ơn cứu độ của

mỗi người. Ngoài những cách thể thông thường của con người, Thiên Chúa vẫn mời gọi mỗi người chúng ta khám phá và đáp trả lời mời gọi của Người, theo cách thức mà nhiều khi Thiên Chúa chỉ dành riêng cho từng cá vị.

Giờ đây, nếu có phải đề xuất một vấn đề gì liên quan đến việc đồng hành này, thì chỉ xin nêu ra hai điểm:

Điểm thứ nhất liên quan đến vị đồng hành: dù muốn dù không, những tu sĩ, linh mục, đặc biệt là những vị có trách nhiệm hướng dẫn tâm linh cho người khác trong các môi trường huấn luyện, đều là những vị đồng hành thiêng liêng. Những vị này cần phải được đào luyện về chuyên môn, đồng thời phải chuyên chú vào công việc như một sứ mạng đặc biệt được trao phó. Sự khôn ngoan, kinh nghiệm, và lòng nhiệt thành của các vị là nguồn khích lệ và lợi ích không nhỏ cho anh em mình trên hành trình tâm linh, đặc biệt trong cuộc đời dâng hiến. Nếu những môn sinh không được huấn luyện để trưởng thành đủ về đời sống nhân bản và tâm linh, thì khi gặp những khó khăn, thử thách, khủng hoảng..., khó lòng tránh khỏi những đổ vỡ; và nếu những người này lại trở thành kẻ hướng dẫn người khác, thì còn gây đổ vỡ cho nhiều người.

Điểm thứ hai liên quan đến người thụ hưởng: chẳng ai dám cho mình là đã trưởng thành đủ về đời sống tâm linh, đã được Thiên Chúa hướng dẫn trực tiếp, nên không cần ai hướng dẫn mình nữa. Do vậy, mỗi người, đặc biệt trong giai đoạn thụ huấn, nên chọn một vị khôn ngoan, có kinh nghiệm trong việc đồng hành; chính vị này sẽ giúp cho mình sáng suốt hơn trong những chọn lựa, trong việc phân định thần khí, để từ đó có thể bước đi theo đường lối của Thiên Chúa và trưởng thành hơn trong đời sống siêu nhiên của mình. Thiên Chúa quan phòng luôn chuẩn bị những gì cần thiết để con cái Người nên thánh.

Cuối cùng, chúng ta nhìn về nhiệm cuộc tình thương của Thiên Chúa, tập trung hướng nhìn về Đức Giêsu Kitô, vị đồng hành đích thực của mỗi chúng ta.

Nhiệm cuộc tình thương của Thiên Chúa

Đức thánh cha Gioan Phaolô II nói: “Thành công lớn nhất của đời người là được nên thánh”. Tất cả mọi Kitô hữu đều được mời gọi nên thánh, tùy theo ơn gọi, bậc sống, hoàn cảnh cụ thể của mình. Trong dòng chảy sự sống, bao người nối tiếp nhau làm nên lịch sử nhân loại. Trong dòng lịch sử ấy, mỗi người viết lên trang sử riêng đời mình. Có một dòng sử bao trùm tất cả, dòng sử cứu độ. Con người của mọi thời phải nhận thấy lịch sử đời mình qua dòng sử cứu độ này, và một thực tại được tỏ bày: con người được Thiên Chúa yêu thương. Dung mạo một Thiên Chúa yêu thương được tiếm tiến mặc khải cho con người. Trong mỗi khúc quanh của lịch sử, Thiên Chúa lại tỏ bày rõ nét hơn dung mạo yêu thương và kế hoạch cứu độ của Người. Kế hoạch này được thể hiện qua Đức Giêsu Kitô, Con Chí Ái của Chúa Cha.

Đức Giêsu đã đến cắm lều ở trần gian để trở nên bạn nghĩa thiết của con người, đồng hành với con người, yêu thương và cứu chuộc họ; qua Đức Giêsu, Thiên Chúa Cha được mặc khải một cách trọn vẹn là Đấng giàu lòng thương xót và rất mực thứ tha. Qua những bước thăng trầm, đặc biệt những lúc lịch sử con người

trở nên đen tối nhất, Thiên Chúa lại được tỏ lộ như Vị Cứu Tinh, là niềm hy vọng, là ánh sáng dẫn lối con người tiến bước. Khi con người chìm ngập trong tội lỗi, Thiên Chúa được tỏ bày là Đấng Thánh Thiện muôn trùng, thương xót vô cùng và thứ tha tất cả.

Thế nhưng, trên hành trình tâm linh, không phải ai ai cũng nhận ra được tình thương ấy. Để cảm nhận và sống tình thương này một cách cụ thể, một câu hỏi cốt thiết mà mỗi Kitô hữu đều phải trả lời, đặc biệt là những người đang được đồng hành thiêng liêng: Đối với tôi, Đức Giêsu là ai? Để trả lời chính xác cho câu hỏi này, có lẽ chúng ta chỉ có thể nói được: Người là Đấng tôi đang khát khao tìm kiếm. Có lúc chúng ta thấy Người thật gần, có khi thấy Người xa xăm diệu vợi; có lúc thấy Người ân cần quá, có khi thấy Người như vẻ lạnh lùng, xa lạ.

Điểm mốc quan trọng của lịch sử hội tụ nơi Đức Giêsu, Đấng Cứu Thế. Người đem đến cho con người một niềm hy vọng mới, niềm hy vọng cứu độ, niềm hy vọng được sống vĩnh cửu. Nếu lấy Đức Giêsu làm điểm quy chiếu, thì tất cả Kinh thánh Cựu ước đều hướng về Người, và tất cả các lời ngôn sứ, nhờ Người đã được nên trọn. Đức Giêsu chính là trung tâm điểm của lịch sử, là Đấng các ngôn sứ loan báo, là điểm thành toàn lời hứa của Thiên Chúa xưa kia, là Đấng đến lấp đầy những khát vọng của con người.

Thế nhưng, con người vốn còn là kẻ hành hương, nên chẳng bao giờ nguôi ngoai niềm hy vọng hướng về Trọn Vẹn. Nếu phải gọi tên niềm hy vọng của con người cụ thể hôm nay là gì, ta có thể tạm gọi đó là niềm hy vọng hạnh phúc. Người ta xoay sở mọi cách để có được hạnh phúc. Người ta lao đầu vào chính trường, vào chính trị, vào làm ăn kinh tế, hay vào các đời sống tôn giáo, cùng là để tìm hạnh phúc. Ngay cả những kẻ lãng tử, xì ke ma túy, đua xe, nhậu nhẹt... tất cả cũng đều muốn tìm cho đời mình một ý nghĩa, hay là đi tìm hạnh phúc.

Ngày nay, xã hội càng văn minh, càng dồi dào vật chất, càng ê hề hưởng thụ, thì dường như nhu cầu tâm linh của con người ngày càng mãnh liệt hơn. Nhiều giáo phái ra đời, nhiều người tìm về những gì là tín ngưỡng, là tâm linh, là tôn giáo; đặc biệt, người ta khát khao những giá trị như là cầu nguyện, tĩnh lặng, thiền định... Đó là những dấu chỉ khao khát hạnh phúc, khao khát sự trường tồn, bất tử.

Trong lĩnh vực khoa học, y học, người ta không khỏi ôm ấp giấc mơ tìm ra thứ thuốc “bách niên giai lão”, “cải lão hoàn đồng” hay “trường sinh bất tử”... Sự thật thì, người ta chỉ có thể làm cho con người sống lâu hơn được đôi chút, chứ chưa làm cho ai miễn phải qua cửa chết. Con người chẳng bao giờ trở thành niềm hy vọng cho chính mình!

Như vậy, ai có thể thỏa mãn niềm hy vọng cháy bỏng này của con người được đây? Câu trả lời của những người có niềm tin Kitô giáo, chắc chắn không thể là ai khác, mà là chính Đức Kitô, Người là Đấng muôn dân trông đợi, là Đấng Cứu Độ duy nhất, là đường, là sự thật, và là sự sống; là Đấng đến để thế gian được sống và sống dồi dào”.

Như thế, con người không tự sức mình mà nên trọn vẹn, nên hoàn hảo hay tự cứu độ mình được: “Không có Thầy, anh em không làm gì được” (Ga 18,5). Con người chỉ nên hoàn trọn, hay nói cách khác, thỏa mãn được niềm hy vọng hạnh phúc của mình, nhờ tin vào Đức Giêsu. Đức Giêsu chính là đích điểm niềm hy vọng, là hạnh phúc đích thực của con người. Niềm hy vọng của con người mãi mãi là trống rỗng nếu không đạt đến Đức Kitô, nếu không được Người chiếm hữu, lấp đầy. Người chính là lý tưởng, là cùng đích để mỗi người chúng ta vươn tới, với xác tín rằng Người luôn đồng hành bên mỗi người chúng ta, dẫn đưa chúng ta về với Thiên Chúa Cha; chỉ trong Người tâm hồn chúng ta mới hết khắc khoải, mới được nghỉ an; và lúc bấy giờ trong ánh sáng và sự thình lặn đầy tràn, cuộc đồng hành thiêng liêng hoàn toàn hiển lộ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- + André Louf, *La grâce peut davantage, l'accompagnement spirituel*, Desclée de Brouwer, 1992. Bản dịch Việt ngữ: Ân sủng còn kỳ diệu hơn, sự đồng hành thiêng liêng.
- + Baker, Augustine, *Holy wisdom*. Burns, Oates, 1972.
- + *Dictionnaire de la spirituelle*, Les Éditions du Cerf, 1987, tr. 372-411.
- + Đoàn Thiệu, OP. *Lược sử linh đạo Kitô giáo*, 1996.
- + Francis Kelly Nemeck, OMI, Marie Theresa Coombs, Hermit, *The way of sipiritual direction*. Bản dịch Việt ngữ: Phương pháp linh hướng; người dịch: Lm. Nguyễn Hưng, lưu hành nội bộ, 2000.
- + Fr F Antonisamy, *An introduction to Christian spirituality*. St. Pauls Press, 2000, chương X, tr. 171 - 188.
- + Hoành Sơn, *Thần học thiêng liêng*, tập II. Toà Tổng Giám mục Sài Gòn, 1996, chương XVI và chương XXVI.
- + Jean Francois Catalan, *Kinh nghiệm thiêng liêng và tâm lý học*. Desclée de Brouwer, Bellarmin, 1992.
- + Jodan Aumann, OP. *Spiritual theology*, London, 1980. Bản dịch Việt ngữ: *Đời sống tâm linh*, tập II, Sài Gòn, 1995, tr. 300 - 369.
- + John of the Cross, *Living flame of love*, 3, 27 - 62
- + Khuyết danh, *Thực hành linh hướng*, Sài Gòn, 1978, bản Ronéo.
- + Nguyễn Hữu Tấn, *Lịch sử linh đạo*. Tập I và II, Đại chủng viện thánh Giuse, 1995 - 1996; tập III và IV, 1997.
- + Nguyễn Khắc Viện chủ biên, *Từ điển tâm lý*, Nxb Văn hoá thông tin, Hà Nội, 2001

- + Nguyễn Trọng Viễn, OP. Gặp gỡ chính Chúa, lưu hành nội bộ, 2003.
- + Nguyễn Trọng Viễn, OP. Những căn bệnh trầm kha trong đời sống đức tin Công giáo tại Việt Nam, Chân Lý 2003.
- + Nhiều tác giả, Các bài chia sẻ dịp tĩnh tâm Học viện, Học viện Đaminh, 2003. Bài viết “Đồng hành” của cha Nguyễn Ngọc Rao, tr. 17-27.
- + Phương Hoài Nhân OP. Tư vấn mục vụ, Chân Lý 2000, chương IV và chương VI.
- + Phan Tấn Thành, Đời sống tâm linh, tập II, Rôma 2002, chương III đến chương IX ; tập III, Rôma 2003, chương IX, mục 2, III.
- + Phan Tấn Thành, Giáo trình bí tích Hoà giải, Học viện Đaminh, 2003, tr. 82-84.
- + Richard P. Vaughan, SJ. Basic skills for christian counselors - An introduction for pastoral ministers; Paulist Press, New York / Mahwah, 2001. Bản dịch Việt ngữ: Tư vấn mục vụ, những kỹ năng căn bản, 2001.
- + Thomas Green S.J. Sự phân định thiêng liêng, nghệ thuật và thực hành, Desclée de Brouwer, 1991.
- + W. A. Barry - W. J Connolly, The practice of spiritual direction, Seabury Press, 1982. Bản dịch Việt ngữ: Tập làm linh hướng, tủ sách chuyên đề, không đề dịch giả và năm xuất bản.
- + Wilfrid Stinissen, translated by Joseph B. Broard, J.D., Ph.D. The gift of spiritual direction. Liguori, Missouri, 1999. Bản Việt ngữ: Quà tặng tâm linh, Thế Hành chuyển dịch, Đaminh học viện, 2001.